

**LƯU Ý:** ĐÃ GỌI LÀ MẸO THÌ NÓ KHÔNG PHẢI KIẾN THỨC CHUẨN. CÁC MẸO NÀY ĐƯỢC HÌNH THÀNH DO LÀM NHIỀU BÀI TẬP THÔI. XÁC SUẤT ĐÚNG CỦA NÓ TRONG TOEIC LÀ 90% NHÉ (KHÔNG PHẢI 100%)

**Thủ Thuật 1: \_\_\_ + động từ được chia**

**VD 1. Rising gas prices are cutting into our profits, so \_\_\_ need to look for alternative delivery methods.**

(A) we

(B) our

(C) ourselves

(D) us

**Dấu hiệu:** Mệnh đề + liên từ + \_\_\_ động từ được chia.

Đối với vị trí chủ ngữ, bạn sẽ loại các phương án tính từ sở hữu, đại từ phản thân, đại từ tân ngữ đầu tiên nhé.

**Phân tích và áp dụng:** Trong câu này phía sau chỗ trống có động từ nên ta cần điền một chủ ngữ. Chỉ có We là làm chủ ngữ được nên chọn A. Loại các phương án our (tính từ sở hữu, chỉ đứng trước danh từ), ourselves (đại từ phản thân, làm tân ngữ) và us (dùng làm tân ngữ).

**Tạm dịch:** Việc giá gas tăng cao đang làm giảm lợi nhuận của chúng ta, vì thế chúng ta cần tìm kiếm các phương thức giao hàng khác.

**VD 2. Jorge was hired as an assistant manager five months ago, and \_\_\_ is now in line for a promotion.**

(A) himself

(B) him

(C) his

(D) he

**Phân tích và áp dụng:** Phía sau chỗ trống ta thấy động từ được chia là “is” nên cần một chủ ngữ cho nó nên chọn D.

**Tạm dịch:** Jorge đã được thuê làm trợ lý giám đốc 5 tháng trước, và giờ **anh ấy** sắp được đề bạt thăng chức.

## Thủ thuật 2: “S V O” \_\_\_\_ hoặc có dạng “S\_V”

Khi chỗ trống đứng cuối câu hoặc ở giữa chủ ngữ và động từ mà các phương án liên quan đến đại từ thì bạn sẽ điền một đại từ phản thân.

**VD 1. The Microsoft Word software program used to do this task helps students check their spelling and correct mistakes \_\_\_\_.**

(A) their

(B) they

(C) themselves

(D) theirs

**Phân tích và áp dụng:** Khi chỗ trống đứng ở cuối một câu mà các phương án liên quan đến các đại từ thì bạn chọn 1 đại từ phản thân. Đôi lúc trước chỗ trống có thể có hoặc không có “by”. Phương án đúng là C.

**Tạm dịch:** Chương trình phần mềm Microsoft Word đã từng làm nhiệm vụ giúp học sinh tự kiểm tra chính tả và chỉnh sửa các lỗi sai của họ

## Thủ Thuật 3: Sau giới từ hoặc ngoại động từ để đóng vai trò tân ngữ.

**VD. Ms. Greelay's colleagues, who discovered that her birthday is on Thursday, are preparing a special celebration for \_\_\_\_**

(A) her

(B) she

(C) hers

(D) herself

**Phân tích và áp dụng:** Khi gặp chỗ trống có dạng này thì việc đầu tiên là bạn loại ngay các phương án đại từ nhân xưng chủ ngữ (I, he, she, they...) và các tính từ sở hữu (his, their...) vì 2 loại từ này không đóng vai trò tân ngữ được. Muốn chọn đại từ phản thân thì nó phải tương ứng với chủ ngữ. Câu trên ta làm gọn lại sẽ thế này:

Ms. Greelay's colleagues are preparing a special celebration for \_\_\_\_

Chủ ngữ trong câu trên đang là “Ms. Greelay's colleagues – những đồng nghiệp của cô Greelay” nên đại từ phản thân xét theo ngữ pháp đáng ra phải là themselves. Phương án đúng là A.

**Tạm dịch:** Những đồng nghiệp của cô Greelay, người đã biết được sinh nhật của cô ấy là vào thứ 5, đang chuẩn bị một buổi lễ đặc biệt cho cô ấy.

#### Thủ thuật 4: (Hạn định từ) + (Tính từ) \_\_\_\_giới từ

**Dấu hiệu:** The (adj)\_\_\_\_of; the (adj)\_\_\_\_with; his\_\_\_\_for; her\_\_\_\_of; a (adj)\_\_\_\_to; \_\_\_\_of; \_\_\_\_for...những chỗ trống có dạng thể này thường đứng ở vị trí đầu câu đóng vai trò chủ ngữ và các phương án sẽ là các từ loại khác nhau. Thông thường đối với dạng này bạn sẽ dựa vào các hậu tố để chọn được danh từ. Hãy xem các ví dụ sau:

**VD 1. The proper \_\_\_\_of equipment will prevent injuries.**

(A) utilization      (B) utilize      (C) utilizing      (D) utilized

**Phân tích và áp dụng:** Nhận thấy chỗ trống có dạng “the adj\_\_\_\_of” nên bạn sẽ điền một danh từ vào đó. Dựa vào hậu tố -ation (danh từ), -ize (động từ), -ed (phân từ), -ing (phân từ) bạn chọn được A.

**Tạm dịch:** Việc sử dụng trang thiết bị đúng cách sẽ giúp phòng tránh/ phòng ngừa những chấn thương.

**VD 2. A \_\_\_\_from Jensen-Colmes Corporation will be happy to meet with prospective job applicants at the Westborough Job Fair.**

(A) represent      (B) representing      (C) representative      (D) representation

**Phân tích và áp dụng:** Chỗ trống có dạng “hạn định từ\_\_ giới từ” nên cần điền một danh từ. Từ đó ta loại được 2 phương án A và B. Representation là danh từ không đếm được nên bị loại vì trước đó có mạo từ “a”. Nếu trước đó là mạo từ “the” thì phương án D vẫn khả thi. Phương án đúng là C (representative: người đại diện, tuy có hậu tố ative nhưng nó là danh từ).

**Tạm dịch:** Người đại diện của tổng công ty Jensen-Colmes rất vui mừng khi gặp được các ứng viên tiềm năng tại hội chợ việc làm Westborough.

**VD 3. \_\_\_to the fitness center is free for all employees and their family members.**

**Phân tích và áp dụng:** Chỗ trống đang đứng đầu câu và có dạng “\_\_\_giới từ” nên cần điền một danh từ. 4 phương án chỉ có Admission (có hậu tố danh từ -sion) là danh từ nên chọn D. Admission trong trường hợp này là danh từ không đếm được nên nó không cần hạn định từ trước nó.

**Tạm dịch:** Vào cửa các trung tâm thể dục là miễn phí cho tất cả các nhân viên và các thành viên gia đình của họ.

**VD 4. \_\_\_between the two major auto insurance companies in town has become extremely competitive.**

**(A) Competition (B) Competitor (C) Competitive (D)**

**Phân tích và áp dụng:** Chỗ trống đang thuộc dạng “\_\_\_giới từ” với giới từ là “between” nên bạn sẽ điền một danh từ. B cũng là danh từ nhưng Competitor (người cạnh tranh) là danh từ đếm được nên hoặc nó ở dạng số nhiều Competitors hoặc có hạn định từ đứng trước như a competitor, the competitor, his competitor...chứ không đứng trơ trơ như vậy. Mặc khác B cũng không hợp nghĩa. Phương án đúng là A.

**Tạm dịch:** Sự cạnh tranh giữa hai công ty bảo hiểm ô tô lớn trong thành phố đã dần trở nên cạnh tranh vô cùng khốc liệt.

**VD 5. By striving to be neat, well dressed, and cheerful, our representatives can make a good first\_\_\_on our clients.**

(A) impression (B) impressive (C) impressed (D) impress

**Phân tích và áp dụng:** Chỗ trống này vẫn đang có dạng “hạn định từ\_\_\_giới từ” (a\_\_\_on) nhưng người ta thêm tính từ trước đó làm bạn khó nhận ra hơn. Phương án đúng là A (impression có hậu tố -sion của danh từ).

Ngoài ra, đây cũng là thành ngữ hay gặp: make an impression on somebody: tạo ấn tượng với ai đó. Nếu bạn nào đã biết thành ngữ này thì sẽ chọn nhanh hơn, còn không bạn vẫn áp dụng mẹo trên.

**Tạm dịch:** Bằng cách cố gắng trở nên gọn gàng, ăn mặc chỉnh tề và tươi cười, những người đại diện của chúng ta có thể **tạo ấn tượng** đầu tiên tốt đối với các khách hàng.

**Thủ thuật 5: Đứng sau ngoại động từ làm tân ngữ.**

**Dấu hiệu:** V his\_\_\_to, V adj \_\_\_, Noun and Noun... khi danh từ đứng ở chỗ trống này thì danh từ đó đang đóng vai trò tân ngữ của ngoại động từ phía trước đó.

**VD 1. NTX Pharma, InC. announced that the company has received final\_\_\_from the Chinese government to sell its new medicines.**

(A) approve (B) approval (C) approved (D) approvingly

**Phân tích và áp dụng:** Chỗ trống đang có dạng “V adj\_\_\_”, receive là ngoại động từ nên cần một tân ngữ. Tính từ “final” thì không thể đóng vai trò tân ngữ được nên phải có 1 danh từ ở chỗ đó. Phương án đúng là B (approval tuy có hậu tố -al nhưng nó là một danh từ).

**Tạm dịch:** Tập đoàn Pharma NTX đã thông báo rằng công ty đã nhận được chấp thuận cuối cùng từ chính phủ Trung Quốc cho phép bán các loại thuốc mới.

**VD 2. The extension of the deadline has enabled most of the sales representatives to complete their\_\_\_on time.**

(A) propose (B) proposing (C) proposal (D) proposed

**Phân tích và áp dụng:** Chỗ trống đang có dạng “V adj\_\_\_\_” nên bạn biết chỗ trống đang là tân ngữ của động từ trước đó. Giống với approval, proposal và appraisal (sự đánh giá) tuy có hậu tố -al nhưng nó là một danh từ.

**Tạm dịch:** Việc gia hạn thêm thời hạn cuối cùng đã cho phép hầu hết các đại diện bán hàng hoàn thành kế hoạch của họ đúng thời hạn.

## Thủ thuật 6: giới từ\_\_\_giới từ

**Dấu hiệu:** In\_\_\_with, in \_\_\_of, for\_\_\_to... khi chỗ trống đứng giữa 2 giới từ như thế này bạn sẽ điền một danh từ. Một số cụm dạng này thường gặp như: by means of, in place of, in charge of,

**VD 1. The vice chancellor confirmed that the individual points should be presented in\_\_\_of relative priority.**

(A) order                      (B) orderly                      (C) ordering                      (D) ordered

in respect of, in honor of, in violation of, in observance of, on behalf of....

**Phân tích và áp dụng:** Chỗ trống đang đứng giữa 2 giới từ “in\_\_\_of” nên cần điền một danh từ. Phương án đúng là A. (in order of something – theo thứ tự của thứ gì đó).

**Tạm dịch:** Phó hiệu trưởng đã thừa nhận rằng những điểm số cá nhân nên được trình bày **theo**

**VD 2. Defective merchandise may be exchanged for the same item in\_\_\_with our exchange policy.**

(A) compliance                      (B) comply                      (C) compliant                      (D)

**một thứ tự** ưu tiên tương đ ối.

**Phân tích và áp dụng:** Nhận dạng chỗ trống đang đứng giữa 2 giới từ “in\_\_\_with” nên chọn một danh từ. Loại các phương án comply (động từ), compliant (tính từ) và complicate (động từ, có hậu tố -ate là của động từ). Phương án đúng là A (in compliance with something: tuân thủ theo thứ gì đó).

**Tạm dịch:** Hàng hóa bị lỗi có thể được đổi lại bằng một mặt hàng tương tự theo chính sách đổi trả hàng của chúng tôi.

## Thủ thuật 7: Đứng sau sở hữu

Dấu hiệu: Noun's\_\_\_\_; Noun's adj\_\_\_\_; The noun of \_\_\_\_

**VD 1. All members of the sales team are grateful for Michael Dreyman's substantial\_\_\_\_to the project over the last six months.**

(A) contribute

(B) contributed

(C) contributor

**Phân tích và áp dụng:** Trước chỗ trống ta thấy dấu sở hữu 's nên phía sau nó phải có một danh từ, trước chỗ trống chỉ mới có tính từ "substantial" (dạng Noun's adj\_\_\_\_) nên ta điền một danh từ vào đó. Phương án đúng là D. (contributor cũng là danh từ nhưng không hợp nghĩa).

**Tạm dịch:** Tất cả những thành viên của nhóm bán hàng rất biết ơn **những đóng góp** lớn lao của Michael Dreyman cho dự án trong 6 tháng qua.

## Thủ thuật 8: Giới từ\_\_\_\_.

Gerund được hình thành từ động từ thêm -ING nên nó vẫn mang tính chất của một động từ. Nếu động từ đó là ngoại động từ thì khi thành gerund nó vẫn có một tân ngữ theo sau. Còn khi gerund đó được hình thành từ một nội động từ thì sẽ không có tân ngữ.

**Thủ thuật này có 2 dạng:**

**1. Giới từ + \_\_\_\_Tân ngữ (Chỗ trống điền Ving)**

**2. Giới từ + \_\_\_\_Không có tân ngữ (Chỗ trống điền một danh từ)**

Nếu chỗ trống có một trong hai dạng trên thì các bạn chọn Ving nếu sau chỗ trống có tân ngữ. Còn không các bạn sẽ chọn một danh từ.

**VD 1. Our company has replaced the old air conditioners with a system that does a better job of \_\_\_\_the temperature.**

(A) regulate

(B) regulator

(C) regulation

(D) regulating

**Phân tích và áp dụng:** Áp dụng mẹo trên, sau chỗ trống có một cụm danh từ "the temperature" đóng vai trò tân ngữ nên bạn sẽ chọn một Ving. Hậu tố -or và -tion là của danh từ, hậu tố ate là của động từ nên loại A, B, C.



**Tạm dịch:** Công ty của chúng tôi đã thay thế những cái máy điều hòa cũ bằng một hệ thống mà nó hoạt động tốt hơn về **điều hòa** nhiệt độ.

**VD 2. The change in \_\_\_ when compared to the first quarter of 2009 is attributable to lower-material costs and the impact of a stronger Korean won.**

- (A) profitability                      (B) profitable                      (C) profited                      (D) to profit

**Phân tích và áp dụng:** Trước đó có giới từ “in”, sau chỗ trống lại không có tân ngữ nào (cụm danh từ) nên ta điền một danh từ. Phương án đúng là A (hậu tố -ity là của danh từ).

**Tạm dịch:** Sự thay đổi trong lợi nhuận so với quý đầu tiên của năm **2009** là do chi phí nguyên liệu thấp hơn và tác động của đồng won Hàn Quốc mạnh hơn.

**VD 3. The organization is an association of \_\_\_\_\_ business people who are willing to consult with owners of small businesses.**

- (A) retire                      (B) retired                      (C) retiring                      (D) retires

**Phân tích và áp dụng:** Trong câu trên nếu bạn nghĩ phía sau có tân ngữ “business people” và chọn Ving là sai vì retire là nội động từ nên khi thành Ving cũng không có tân ngữ phía sau nên chỗ đó cần điền một tính từ bổ nghĩa cho “people”. Phương án đúng là B (retired – về hưu).

**Tạm dịch:** Tổ chức là một hiệp hội của những doanh nhân đã về hưu sẵn sàng tư vấn cho các chủ doanh nghiệp nhỏ.

### **Thủ thuật 9: Hạn định từ + Noun\_\_\_prep**

**VD. The vegetarian diet is more likely to meet the government\_\_\_for fat, carbohydrate, and protein than a non- vegetarian diet.**

- (A) recommendations                      (B) recommendable  
(C) recommending                      (D) recommend

**Phân tích và áp dụng:** Thật ra vị trí đó giống với dạng một vì cũng có “the\_\_\_for” nên chúng ta vẫn chọn một danh từ, danh từ này kết hợp với danh từ trước đó tạo thành danh từ ghép. Phương án đúng là A. Dạng danh từ ghép tương đối ít gặp hơn trong đề thi.

**Tạm dịch:** Chế độ ăn chay có thể đáp ứng các khuyến nghị của chính phủ về việc sử dụng chất béo, carbohydrate và protein hơn là chế độ không ăn chay.

Biên soạn: Admin Khang Lâm Lê – Chúc các bạn học tốt nhé